

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2025

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hà Thanh Minh

Bà Huỳnh Thị Kim Trúc Ly

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Trọng Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 120/2025/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ông Lê Văn V, sinh năm 1977

Địa chỉ: 127/TB ấp TTB, xã BT, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp CT, xã HKT, tỉnh Vĩnh Long.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn V trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã HKT B, huyện CL, tỉnh Bến Tre (nay là xã HKT, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 03/12/2007. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau không còn hạnh

phúc. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không hàn gắn được hạnh phúc. Bà B về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 8/2024 cho đến nay. Ông nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống và hòa hợp trở lại nên ông có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà B. Ông có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Huỳnh Trọng N, sinh ngày 24/5/2008 và Lê Huỳnh Trọng K, sinh ngày 06/12/2011. Sau khi ly hôn, ông V yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, ông V không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông V khai không có.

** Theo bản tự khai bị đơn bà Huỳnh Thị B trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông V về điều kiện kết hôn cũng như thời điểm kết hôn. Theo bà, sau khi kết hôn bà về sống cùng cha mẹ chồng ở xã BT, huyện BT, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng bà sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 2024 vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, tình cảm nên bà đã về quê cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay ông V xin ly hôn, bà cũng đồng ý ly hôn. Do bà bận đi làm nên bà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- Quá trình chung sống bà với ông V có 02 con chung tên Lê Huỳnh Trọng N, sinh ngày 24/5/2008 và Lê Huỳnh Trọng K, sinh ngày 06/12/2011, hiện nay 02 con chung đang sống với ông V. Sau khi ly hôn, con theo ai thì người đó nuôi, người không nuôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Có nhà và đất hiện ông V đang quản lý, tài sản này để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà B khai không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn V với bà Huỳnh Thị B; về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Lê Huỳnh Trọng N, sinh ngày 24/5/2008 và Lê Huỳnh Trọng K, sinh ngày 06/12/2011. Sau khi ly hôn, đề nghị chấp nhận ông V được tiếp tục nuôi 02 con chung; Ghi nhận ông V không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết; Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn hiện đang cư trú tại xã HKT, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Nguyên đơn ông Lê Văn V, bị đơn bà Huỳnh Thị B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông V và bà B là đúng quy định.

[3] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị B và ông Lê Văn V tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HKT, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 03/12/2007 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Ông V và bà B đã ly thân với nhau từ tháng 8/2024 cho đến nay. Nay ông V xác định không còn tình cảm với nhau nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà B. Bà B thống nhất với lời trình bày của ông V, vợ chồng mâu thuẫn nhau đã ly thân nay ông V xin ly hôn bà cũng đồng ý. Bà B và ông V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà B và ông V thực tế đã xảy ra. Căn cứ theo biên bản xác minh bà Lê Thị Ngọc Linh là em ruột ông V cho biết: Bà B và ông V có mâu thuẫn với nhau, vợ chồng đã ly thân, gia đình hai bên không thể hàn gắn lại hạnh phúc gia đình cho ông V, bà B. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng bà B ông V đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2024 cho đến nay vẫn không thể hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà B và ông V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông V xin ly hôn bà B, bà B cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông V với bà B.

[4] Về con chung: Vợ chồng bà B và ông V có 02 con chung tên Lê Huỳnh Trọng Nhân, sinh ngày 24/5/2008 và Lê Huỳnh Trọng Khôi, sinh ngày 06/12/2011. Sau khi ly hôn, ông V yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Nhân và Khôi muốn sống cùng ông V nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông V được tiếp tục nuôi 02 con chung. Ghi nhận ông V không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

[5] Về tài sản chung: Ông Lê Văn V và bà Huỳnh Thị B tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Lê Văn V và bà Huỳnh Thị B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng ông Lê Văn V phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn V và bà Huỳnh Thị B.

- *Về con chung*: Ông Lê Văn V và bà Huỳnh Thị B có 02 con chung tên Lê Huỳnh Trọng N, sinh ngày 24/5/2008 và Lê Huỳnh Trọng K, sinh ngày 06/12/2011. Sau khi ly hôn, ông Lê Văn V được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Ghi nhận ông Lê Văn V không yêu cầu bà Huỳnh Thị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Huỳnh Thị B được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Ông Lê Văn V và bà Huỳnh Thị B tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông Lê Văn V và bà Huỳnh Thị B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông Lê Văn V phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009468 ngày 19/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCB, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6-Vĩnh Long).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

“ *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,*

7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6-Vĩnh Long;
- Chi Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã HKT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang